

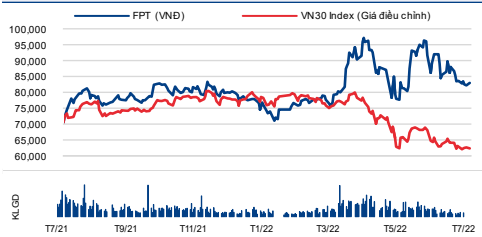
Mua vào

Giá mục tiêu: VND127,500
Tiềm năng tăng/giảm: 53.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/7/2022)	83,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	71,083-97,167
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	82,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	91,053
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,888
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,097
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	538
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-21A	12-22F	12-23F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	35,657	43,568	51,906
EBITDA đc (tỷ đồng)	7,057	9,792	12,049
LNTT (tỷ đồng)	6,335	7,955	9,826
LNT ĐC (tỷ đồng)	4,313	5,456	6,879
FCF (tỷ đồng)	2,929	2,292	4,749
EPS ĐC (đồng)	3,951	4,973	6,224
DPS (đồng)	2,500	1,000	1,500
BVPS (đồng)	19,802	18,602	21,400
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.8	38.8	23.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.8	4.01	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	178	(60.0)	50.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	22.5	23.2
Tỷ suất LNTT (%)	17.8	18.3	18.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.2	12.5	13.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	52.3	20.1	24.1
Nợ thuần/VCSH (%)	85.8	89.2	84.8
ROAE (%)	25.7	28.5	31.2
ROACE (%)	25.0	29.8	31.1
EV/doanh thu (lần)	2.52	2.49	2.13
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.7	11.1	9.19
P/E ĐC (lần)	21.0	16.7	13.3
P/B (lần)	4.19	4.46	3.88
Lợi suất cổ tức (%)	3.01	1.20	1.81

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Trương Thu Mỹ
Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
my.tt@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4806

Q2/2022: Tăng trưởng tích cực vẫn được duy trì

- FPT công bố lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q2/2022 tăng lần lượt 25,1% và 16,8%, đều sát với dự báo của chúng tôi.
- Mảng CNTT tăng mạnh với doanh thu tăng 14,5% trong khi LNTT tăng 13,5%. Động lực tăng trưởng rất khả quan với giá trị đơn đặt hàng mới toàn cầu tăng 40%.
- Mảng viễn thông dẫn đầu tăng trưởng với doanh thu tăng 12,7% và LNTT tăng 19,8%.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 127.500đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2022

FPT công bố KQKD Q2/2022 với doanh thu thuần đạt 10.096 tỷ đồng (tăng 16,8% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1.251 tỷ đồng (tăng 25,1% so với cùng kỳ).

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu đạt 19.826 tỷ đồng (tăng 22,2% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 2.490 tỷ đồng (tăng 30,6% so với cùng kỳ), đạt lần lượt 45,5% và 45,6% dự báo cả năm 2022 của HSC.

Tất cả các hoạt động kinh doanh chính đều tăng trưởng mạnh trong Q2/2022

Doanh thu và LNTT mảng CNTT, bao gồm CNTT toàn cầu và trong nước, đạt lần lượt 5.659 tỷ đồng (tăng 14,5% so với cùng kỳ) và 855 tỷ đồng (tăng 13,5% so với cùng kỳ). Tỷ suất LNTT là 15,1% so với 15,2% trong Q2/2021. Tỷ suất lợi nhuận giảm nhẹ trong Q2/2022 chủ yếu do những thay đổi định hướng bán hàng và quảng bá của FPT trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Chúng tôi tin rằng tỷ suất lợi nhuận mảng này sẽ hồi phục trong những quý tới.

Mảng viễn thông, bao gồm dịch vụ viễn thông và quảng cáo trực tuyến, cũng tăng trưởng mạnh trong Q2/2022 với doanh thu đạt 3.606 tỷ đồng (tăng 12,7% so với cùng kỳ) và LNST đạt 744 tỷ đồng (tăng 19,8% so với cùng kỳ). Tỷ suất LNTT đạt 20,^ so với 19,4% trong Q2/2021 chủ yếu nhờ tỷ trọng mảng Pay TV tăng với tỷ suất lợi nhuận cao.

Mảng giáo dục vẫn tích cực với doanh thu tăng 46,7% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2022 và 6T/2022, FPT

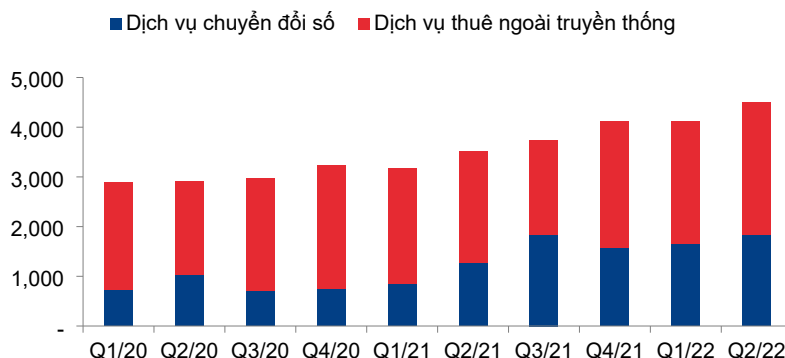
Lợi nhuận Q2/2022 tăng trưởng mạnh và sát với dự báo của HSC

(tỷ đồng)	Q2/22	% y/y	6T/22	% y/y	6T/22 / kế hoạch cả năm 2022	6T/22 / dự báo 2022 của HSC
Doanh thu	10,096	16.8%	19,826	22.2%	46.7%	45.5%
Công nghệ	5,659	14.5%	11,252	23.7%	45.2%	44.0%
Viễn thông	3,606	12.7%	7,077	15.5%	48.6%	48.5%
Khác	831	67.0%	1,497	49.1%	50.6%	44.3%
LNTT	1,858	20.7%	3,637	23.9%	47.7%	45.7%
Công nghệ	855	13.5%	1,625	24.3%	48.4%	42.9%
Viễn thông	744	19.8%	1,445	20.7%	51.4%	51.3%
Khác	259	57.0%	567	31.3%	39.2%	42.1%
Lợi nhuận thuần	1,251	25.1%	2,490	30.6%	n/a	45.6%

Nguồn: FPT

Biểu đồ 2: Doanh thu CNTT toàn cầu, FPT

Trong Q2/2022, doanh thu dịch vụ chuyển đổi số đạt 1.836 tỷ đồng, tăng 43,8% so với cùng kỳ, đóng góp 40,7% doanh thu CNTT toàn cầu so với 36,3% trong Q2/2021



Nguồn: FPT

Dịch vụ chuyển đổi số tiếp tục thúc đẩy doanh thu CNTT toàn cầu

Doanh thu dịch vụ chuyển đổi số tiếp tục là động lực tăng trưởng chính đối với phân mảng CNTT toàn cầu. Trong Q2/2022, doanh thu dịch vụ chuyển đổi số đạt 1.836 tỷ đồng, tăng 43,8% so với cùng kỳ, đóng góp 40,7% doanh thu CNTT toàn cầu so với 36,3% trong Q2/2021.

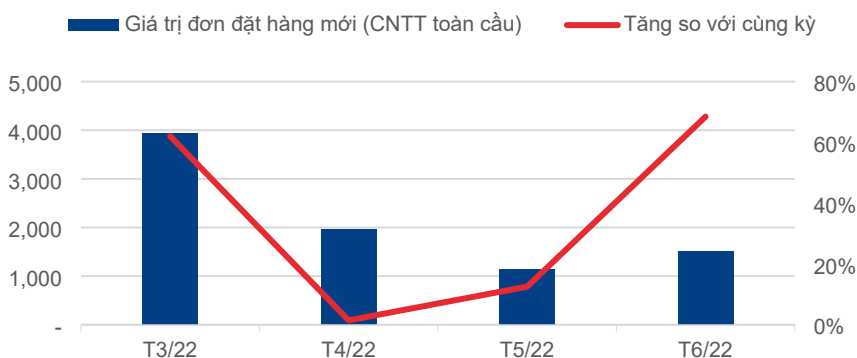
Các công nghệ chính thúc đẩy dịch vụ chuyển đổi số của FPT bao gồm Cloud, AI, Data Analytics, và Blockchain.

Giá trị đơn đặt hàng mới hồi phục

Sau 2 tháng tăng trưởng thấp trong tháng 4 và tháng 5/2022, giá trị đơn đặt hàng mới của FPT đã tăng trưởng trở lại trong tháng 6/2022. Theo đó, giá trị đơn đặt hàng mới trong tháng 6/2022 đạt 1.513 tỷ đồng, tăng 31,6% so với tháng trước và 68,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, giá trị đơn đặt hàng mới đạt 11.681 tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ), đảm bảo mức tăng trưởng cao của mảng CNTT toàn cầu trong những quý tới.

Biểu đồ 3: Giá trị đơn đặt hàng mới mảng CNTT, FPT (tỷ đồng)

Giá trị đơn đặt hàng mới hồi phục trong tháng 6



Nguồn: FPT

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và dự báo tốc độ CAGR lợi nhuận thuần giai đoạn 2022-2024 đạt 25,7%. Giá mục tiêu của chúng tôi là 127.500đ, tiềm năng tăng giá là 53,6%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Doanh thu	29,830	35,657	43,568	51,906	61,828
Lợi nhuận gộp	11,814	13,700	17,833	21,716	26,265
Chi phí BH&QL	(7,209)	(8,287)	(10,049)	(12,089)	(14,476)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,605	5,413	7,784	9,627	11,789
Lãi vay thuần	274	128	(602)	(639)	(577)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	312	685	773	838	896
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	72.8	109	0	0	0
LNTT	5,263	6,335	7,955	9,826	12,107
Chi phí thuế TNDN	(840)	(990)	(1,273)	(1,592)	(1,986)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(886)	(1,012)	(1,227)	(1,355)	(1,525)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,538	4,333	5,456	6,879	8,597
Lợi nhuận thuần ĐC	3,525	4,313	5,456	6,879	8,597
EBITDA ĐC	6,095	7,057	9,792	12,049	14,626
EPS (đồng)	3,925	4,782	4,973	6,224	7,720
EPS ĐC (đồng)	3,246	3,951	4,973	6,224	7,720
DPS (đồng)	900	2,500	1,000	1,500	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	901	906	1,097	1,105	1,114
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	901	906	1,097	1,105	1,114
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,086	1,092	1,097	1,105	1,114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Tiền & tương đương tiền	4,686	5,418	3,897	6,510	7,561
Đầu tư ngắn hạn	12,436	20,731	24,877	29,852	35,823
Phải thu khách hàng	6,265	6,882	8,410	10,019	11,934
Hàng tồn kho	1,290	1,507	1,830	2,180	2,597
Các tài sản ngắn hạn khác	935	579	726	865	1,030
Tổng tài sản ngắn hạn	25,612	35,117	39,739	49,427	58,945
TSCĐ hữu hình	9,593	10,553	11,504	12,156	12,089
TSCĐ vô hình	1,095	1,133	1,090	1,011	886
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	600	1,084	1,954	2,150	2,365
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,981	2,016	2,117	2,223	2,334
Tài sản dài hạn khác	2,852	3,793	3,970	4,392	5,195
Tổng tài sản dài hạn	16,122	18,580	20,635	21,931	22,869
Tổng cộng tài sản	41,734	53,697	60,374	71,358	81,814
Nợ ngắn hạn	12,062	17,799	17,427	20,243	23,494
Phả trả người bán	2,825	2,866	3,631	4,325	5,152
Nợ ngắn hạn khác	6,367	7,917	9,508	11,328	13,493
Tổng nợ ngắn hạn	22,365	29,812	32,078	37,698	44,286
Nợ dài hạn	678	2,296	3,796	5,296	4,796
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.26	87.4	0	0	0
Nợ dài hạn khác	79.8	76.0	93.6	112	133
Tổng nợ dài hạn	758	2,460	3,890	5,408	4,929
Tổng nợ phải trả	23,129	32,276	35,968	43,106	49,215
Vốn chủ sở hữu	15,746	17,943	20,407	23,653	27,310
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,860	3,477	3,999	4,599	5,289
Tổng vốn chủ sở hữu	18,606	21,420	24,406	28,252	32,599
Tổng nợ phải trả và VCSH	41,734	53,697	60,374	71,358	81,814
BVPS (đ)	17,467	19,802	18,602	21,400	24,525
Nợ thuần*/(tiền mặt)	8,054	14,678	17,327	19,029	20,730

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
EBIT	4,605	5,413	7,784	9,627	11,789
Khấu hao	(1,491)	(1,644)	(2,008)	(2,422)	(2,837)
Lãi vay thuần	274	128	(602)	(639)	(577)
Thuế TNDN đã nộp	(840)	(990)	(1,273)	(1,592)	(1,986)
Thay đổi vốn lưu động	1,368	495	(927)	(1,014)	(1,206)
Khác	(558)	(847)	(1,515)	(734)	(1,169)
LCT thuần từ HKKD	6,340	5,842	5,475	8,070	9,688
Đầu tư TS dài hạn	(3,018)	(2,913)	(3,183)	(3,321)	(3,042)
Góp vốn & đầu tư	(6,055)	(36,278)	(4,247)	(5,081)	(6,082)
Thanh lý	34.3	27,593	0	0	0
Khác	894	1,183	1,384	1,619	1,894
LCT thuần từ HĐĐT	(8,144)	(10,415)	(6,046)	(6,783)	(7,229)
Cổ tức trả cho CSH	(1,899)	(2,254)	(2,078)	(2,989)	(4,159)
Thu từ phát hành CP	59.6	87.6	0	0	0
Tăng/giảm nợ	4,879	7,533	1,128	4,316	2,751
Khác	(1.75)	(1.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	3,037	5,365	(951)	1,327	(1,408)
Tiền & tương đương tiền đầu ki	3,453	4,686	5,418	3,897	6,510
LCT thuần trong kỳ	1,233	791	(1,521)	2,614	1,050
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.11)	(59.8)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối ki	4,686	5,418	3,897	6,510	7,561
Dòng tiền tự do	3,322	2,929	2,292	4,749	6,646

Các chỉ số tài chính	12-20A	12-21A	12-22F	12-23F	12-24F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.6	38.4	40.9	41.8	42.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	19.8	22.5	23.2	23.7
Tỷ suất LNT (%)	11.9	12.2	12.5	13.3	13.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	16.0	15.6	16.0	16.2	16.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.63	19.5	22.2	19.1	19.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	10.8	15.8	38.8	23.0	21.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	12.8	22.4	26.5	26.1	25.0
Tăng trưởng EPS (%)	12.3	21.8	4.01	25.2	24.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	12.2	21.7	25.9	25.2	24.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	178	(60.0)	50.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	22.9	52.3	20.1	24.1	25.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	23.8	25.7	28.5	31.2	33.7
ROACE (%)	25.1	25.0	29.8	31.1	33.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.79	0.75	0.76	0.79	0.81
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.38	1.08	0.70	0.84	0.82
Số ngày tồn kho	26.1	25.1	26.0	26.4	26.7
Số ngày phải thu	127	114	119	121	122
Số ngày phải trả	57.2	47.6	51.5	52.3	52.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	54.1	85.8	89.2	84.8	80.4
Nợ/tài sản (%)	31.6	38.7	36.6	37.2	36.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	12.9	15.1	20.4
Nợ/EBITDA (lần)	2.17	2.95	2.26	2.21	2.02
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.18	1.24	1.31	1.33
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.78	2.52	2.49	2.13	1.83
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.6	12.7	11.1	9.19	7.74
P/E (lần)	21.1	17.4	16.7	13.3	10.8
P/E ĐC (lần)	25.6	21.0	16.7	13.3	10.8
P/B (lần)	4.75	4.19	4.46	3.88	3.38
Lợi suất cổ tức (%)	1.08	3.01	1.20	1.81	2.41

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn